CÔNG TY CỔ PHẦN **THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA** ***THANH THANH CONG – BIEN HOA*** ***JOINT STOCK COMPANY***	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM** ***Independence – Freedom - Happiness***
Số/*No*: ..17../2025/QĐ-CT.HĐQT	Tây Ninh, ngày 23 tháng 04 năm 2025 *Tay Ninh, April ...23.th, 2025*

QUYẾT *ĐỊNH / DECISION*

V/v Ban hành Quy chế phòng chống gian lận, tham nhũng
Regarding the issuance of Regulations on fraud and corruption prevention

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ *BOARD OF DIRECTOR*
CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
THANH THANH CONG - BIEN HOA JOINT STOCK COMPANY

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành Luật này / Pursuanting to the Enterprise Law No. 59/2020/QH14 approved by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020 and documents amending, supplementing and guiding the implementation of this Law.*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty / Pursuanting to the Company's Charter.*
- *Căn cứ Quy chế ban hành Văn bản lập quy / Pursuanting to the Regulation on Issuing Bylaws.*

QUYẾT ĐỊNH / *DECIDES*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là **Quy chế phòng chống gian lận, tham nhũng.**

Article 1. *Issuing together with this Decision:* ***Regulations on fraud and corruption prevention.***

Điều 2. Giao cho phòng Quản lý Rủi ro, Quy trình và Tuân thủ làm đầu mối quản lý và chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện và tuân thủ Quy chế này.

Article 2. *Assigning Risk Management, Process and Compliance department to be the focal point of management and responsible for guiding the implementation and compliance of these Regulations.*

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Article 3. *This Decision takes effect from the date of signing.*

Điều 4. Các Ông/Bà Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối, Trưởng, Phó các Đơn vị và cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần Thành Thành Công Biên Hòa và Ban Giám đốc, Trưởng, Phó các Đơn vị và cán bộ nhân viên của các Đơn vị thành viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Article 4. *Board of Directors, Division Directors, Heads and Deputy Heads of Units and staff of Thanh Thanh Cong Bien Hoa Joint Stock Company and the Board of Directors, Heads and Deputy Heads of Units and employees of Thanh Thanh Cong Bien Hoa. Member Units are responsible for the implementation of this Decision.*

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ / CHAIRWOMAN OF THE BOARD

ĐẶNG HUỲNH ỨC MY

Nơi nhận/ Recipients:

- Như Điều 4 (để thực hiện) / *As article 4 (for implementation).*
- Lưu P. QLRR, QT & TT / *Storage at Risk Management, Process & Compliance Department.*

MỤC LỤC/ *CONTENTS*

Trang/ *Page*

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG/ 5

CHAPTER 1. GENERAL PROVISIONS 5

Điều 1. Mục đích và Phạm vi điều chỉnh/ 5

Article 1. Purposes and scope 5

Điều 2. Đối tượng áp dụng/ 6

Article 2. Subjects of application 6

Điều 3. Giải thích từ ngữ/ 6

Article 3. Interpretation of terms 6

CHƯƠNG II. CÁC HÀNH VI GIAN LẬN, THAM NHŨNG, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY, CBNV CÔNG TY TRONG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG GIAN LẬN, THAM NHŨNG/ 9

CHAPTER II. ACTS OF FRAUD AND CORRUPTION, OBLIGATIONS AND RESPONSIBILITIES OF THE COMPANY AND EMPLOYEES IN FRAUD AND CORRUPTION PREVENTION 9

Điều 4. Các hành vi gian lận, tham nhũng/ 9

Article 4. Acts of fraud and corruption 9

Điều 5. Trách nhiệm, nghĩa vụ của Công ty/ 11

Article 5. Company's obligations and responsibilities 11

Điều 6. Trách nhiệm, nghĩa vụ của CBNV Công ty/ 12

Article 6. Employees' obligations and responsibilities 12

CHƯƠNG III. PHÁT HIỆN VÀ PHẢN ÁNH HÀNH VI GIAN LẬN, THAM NHŨNG/ *CHAPTER III. DETECTION AND REPORTING OF FRAUD AND CORRUPTION* 13

Điều 7. Chính sách của Công ty trong công tác phòng chống gian lận, tham nhũng/ 13

Article 7. Company policy on anti-fraud and anti-corruption 13

Điều 8. Công tác phát hiện hành vi gian lận, tham nhũng/ 13

Article 8. Detection of fraud and corruption acts 13

Điều 9. Cơ chế phản ánh, tố cáo hành vi gian lận, tham nhũng/ 14

Article 9. Mechanism for reporting and denouncing fraud and corruption 14

CHƯƠNG IV. XỬ LÝ HÀNH VI VI PHẠM GIAN LẬN, THAM NHŨNG/ *CHAPTER IV. HANDLING ACTS OF FRAUD AND CORRUPTION* 15

Điều 10. Nguyên tắc xử lý gian lận, tham nhũng/ 15

Article 10. Principles for handling fraud and corruption 15

Điều 11. Nguyên tắc xử lý đối với hành vi gian lận, tham nhũng có dấu hiệu phạm tội/ .. 15

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG/
CHAPTER 1. GENERAL PROVISIONS

Điều 1. Mục đích và Phạm vi điều chỉnh/

Article 1. Purposes and scope

Quy chế này quy định về các hành vi gian lận, tham nhũng; các biện pháp nhằm ngăn chặn, phòng chống và xử lý các hành vi gian lận, tham nhũng, thúc đẩy văn hóa tuân thủ. Từ đó, Công ty có cơ sở đưa ra các quyết định xử lý phù hợp theo quy định nội bộ và pháp luật hiện hành theo từng mức độ của vụ việc./ *This regulation stipulates acts of fraud and corruption; measures to prevent, combat, and address acts of fraud and corruption, and promote a culture of compliance. Accordingly, the Company may take appropriate actions in accordance with its internal regulations and applicable laws, depending on the severity of each case.*

Phòng chống gian lận, tham nhũng luôn là vấn đề quan tâm hàng đầu của Ban lãnh đạo Công ty nhằm đảm bảo môi trường kinh doanh minh bạch, bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh cho các Đối tác và trên hết là mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng./ *Preventing fraud and corruption has always been a top priority for the Company's leadership to ensure a transparent, equitable, and fair competitive business environment for Partners and, above all, to bring the highest benefits to customers.*

Trên cơ sở cam kết với chính sách của Công ty nói riêng trong công tác phòng chống gian lận, tham nhũng, Công ty ban hành Quy chế phòng chống gian lận, tham nhũng với các mục đích sau đây:/ *Based on the commitment to the Company's policy specifically in the fight against fraud and corruption, the Company issues the Anti-Fraud and Anti-Corruption Regulation with the following purposes:*

1. Thể hiện sự quan tâm đặc biệt cũng như thái độ quyết liệt trong công tác đấu tranh phòng chống gian lận, tham nhũng của Ban lãnh đạo Công ty./ *To demonstrate the special concern and decisive attitude of the Company's leadership in the fight against fraud and corruption.*
2. Ngăn chặn, từng bước đẩy lùi và triệt tiêu các hành vi gian lận, tham nhũng tại Công ty./ *Prevent, gradually push back, and eliminate fraudulent and corrupt behaviors within the Company.*
3. Nâng cao ý thức trách nhiệm của các phòng ban, bộ phận và toàn thể Người lao động tại Công ty trong việc phòng chống gian lận, tham nhũng./ *Raise the awareness of responsibility among departments, units, and all employes in the Company in preventing fraud and corruption.*
4. Làm cơ sở để các Phòng ban, bộ phận, các Cán bộ quản lý của Công ty chủ động thực hiện việc phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lý các hành vi gian lận, tham nhũng tại Công ty Công ty./ *Serve as a basis for the Departments, units, and Management Officers of the Company to proactively implement the prevention, detection, investigation, and handling of fraudulent and corrupt acts within the Company.*

12. **Tài sản:** là vật, tiền, giấy tờ có giá, các quyền tài sản theo quy định của Bộ luật dân sự hiện hành, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các sản phẩm, hàng hóa, trang thiết bị, nhà xưởng, kho xưởng, văn phòng, cửa hàng, máy móc, phương tiện đi lại, nhà đất, căn hộ, tiền, vàng, hoặc bất kỳ các lợi ích bằng hiện vật, hiện kim nào khác; phiếu giảm giá, phiếu mua hàng, tiền thưởng, phần thưởng, hoa hồng, quà biếu, học bổng, dịch vụ, gói du lịch, gói giải trí, thương hiệu, quyền sở hữu trí tuệ, dữ liệu, thông tin, phần mềm, hoặc lợi ích vật chất khác dưới bất kỳ hình thức nào./ ***12. Asset:*** *property, money, valuable papers, property rights as prescribed by the current Civil Code, including but not limited to products, goods, equipment, workshops, warehouses, offices, shops, machinery, vehicles, houses, land, cash, gold, or any other tangible or intangible benefits; discount vouchers, vouchers, bonuses, rewards, commissions, gifts, scholarships, services, travel or entertainment packages, brands, intellectual property rights, data, information, software, or other material benefits in any form.*

13. **Gian lận:** là hành vi cố ý vi phạm các quy định của công ty, bao gồm việc bỏ qua hoặc làm trái quy tắc đã được thiết lập, không thực hiện chức trách được giao, hoặc thực hiện các hành vi lừa dối như làm giả tài liệu, che giấu sự thật, nhằm mục đích vụ lợi./ ***13. Fraud:*** *intentional act violating the Company's regulations, including omitting or contravening established rules, failing to fulfil assigned responsibilities, or committing deceptive acts such as forgery, concealment of facts, for the purpose of self-interest.*

14. **Tham nhũng:** được hiểu là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn, hoặc nhiệm vụ, quyền hạn được giao, nhằm mục đích vụ lợi./ ***14. Corruption:*** *the act of abusing one's position, power, or duty for self-interested purposes.*

15. **Vụ lợi:** là việc người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhằm đạt được lợi ích vật chất hoặc lợi ích phi vật chất không chính đáng./ ***15. Self-interest:*** *when someone in a position of authority exploits such position to unjustly seek material or non-material benefits.*

16. **Tài sản gian lận, tham nhũng:** là tài sản có được/có nguồn gốc từ hành vi gian lận, tham nhũng./ ***16. Fraudulent/corrupt assets:*** *assets acquired or originating from fraudulent or corrupt acts.*

17. **Nhũng nhiễu:** là hành vi cửa quyền, hách dịch, gây khó khăn, phiền hà khi thực hiện nhiệm vụ hay công việc./ ***17. Harassment:*** *behaviour that abuses authority, is overbearing, or causes unnecessary difficulty or nuisance in performing tasks or duties.*

18. **Đối tác:** là cá nhân, tổ chức, hoặc doanh nghiệp có mối quan hệ hợp tác với Công ty nhằm thực hiện các hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ, hoặc hỗ trợ trong các lĩnh vực khác nhau. Đối tác có thể bao gồm, nhưng không giới hạn, nhà cung cấp, khách hàng, bên thứ ba cung cấp dịch vụ hoặc các tổ chức khác có thỏa thuận hợp tác hoặc hợp đồng với Công ty./ ***18. Partner:*** *any individuals, organisations, or enterprises cooperating with the Company to conduct business, supply services, or support various activities. Partners can include but are not limited to suppliers, customers, third-party service providers, or other organisations with agreements or contracts with the Company.*

19. **Cán bộ quản lý:** là cá nhân có trách nhiệm lãnh đạo, điều hành và giám sát hoạt động của một nhóm hoặc tổ chức. Đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập mục tiêu, lập kế hoạch chiến lược, quản lý nguồn lực, và đảm bảo rằng mục tiêu của tổ chức được thực hiện một cách hiệu quả./ ***19. Manager:*** *an individual responsible for leading, operating, and supervising a group or organisation, crucial for setting goals, planning strategies,*

CHƯƠNG II.CÁC HÀNH VI GIAN LẬN, THAM NHŨNG, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY, CBNV CÔNG TY TRONG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG GIAN LẬN, THAM NHŨNG/

CHAPTER II. ACTS OF FRAUD AND CORRUPTION, OBLIGATIONS AND RESPONSIBILITIES OF THE COMPANY AND EMPLOYEES IN FRAUD AND CORRUPTION PREVENTION

Điều 4. Các hành vi gian lận, tham nhũng/

Article 4. Acts of fraud and corruption

Các hành vi sau đây được xem là hành vi gian lận, tham nhũng và bị cấm thực hiện đối với toàn thể CBNV bao gồm nhưng không giới hạn các hành vi sau:/ *The following acts are considered fraud and corruption and are strictly prohibited for all employees, including but not limited to:*

1. Tham ô tài sản là lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của Công ty mà mình có trách nhiệm quản lý./ *1. Embezzlement: abusing your position or authority to appropriate assets of the Company for which you are responsible for managing.*
2. Không lạm dụng quyền hạn nhằm chỉ đạo hoặc xúi giục người khác thực hiện hành vi gian lận/tham nhũng./ *2. Abusing one's authority to direct, instruct, or incite others to commit acts of fraud or corruption.*
3. Trực tiếp hoặc gián tiếp đòi hối lộ từ Đối tác để làm hoặc không làm một việc theo yêu cầu và/hoặc vì lợi ích của Đối tác; hoặc có hành vi đe dọa, gây ảnh hưởng để nhận hối lộ tài sản từ Đối tác. Các hành vi đối với Đối tác khác được quy định cụ thể hơn tại **Bộ Quy tắc ứng xử dành cho nhà cung cấp (COC).**/ *3. Directly or indirectly soliciting bribes from Partners to do or not do something at the request and/or for the benefit of the Partner; or threatening or influencing to receive bribes from Partners. Other acts concerning Partners are specifically regulated in* ***the Supplier Code of Conduct (COC)****.*
4. Trực tiếp hoặc gián tiếp nhận tài sản khác từ Đối tác, trừ khi tài sản đó đáp ứng tất cả các điều kiện sau:/ *4. Directly or indirectly receiving assets from Partners, except where the following conditions are all met:*
   a. Thuộc các trường hợp được phép theo quy định tại Bộ Quy tắc ứng xử dành cho nhà cung cấp (CoC), hoặc có cơ sở chứng minh rằng nó thuộc các trường hợp đó./ *a. Allowed by the Supplier Code of Conduct (CoC), or where evidence proves such cases.*
   b. Có giá trị không vượt quá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng)./ *b. Value does not exceed VND 500,000 (Five hundred thousand dong).*
   c. Nằm trong các chính sách bán hàng, dịch vụ mà Đối tác đã công bố cho Công ty./ *c. Included in sales policies or services publicly announced by the Partner to the Company.*
   d. Là hình thức tặng quà bằng hiện vật được thực hiện công khai tại văn phòng hoặc trụ sở Công ty nhân dịp lễ, Tết, và phù hợp với phong tục, văn hóa Việt Nam./ *d. Is an*

13. Áp dụng không thống nhất hoặc không tôn trọng các cam kết chung hoặc riêng, hoặc có sự ưu tiên, thiên vị, hoặc nhượng bộ với Đối tác về một trong các chính sách mua bán hàng hóa, dịch vụ đã được Công ty phê duyệt./ *13. Inconsistent or disrespectful application of general or specific commitments, or showing preference, bias, or making concessions to Partners regarding any Company-approved sales or service policy.*

14. Thực hiện các nguyên tắc, chính sách, quy định của Công ty một cách không bình đẳng với các Đối tác có cùng điều kiện cạnh tranh như nhau, có các sản phẩm, dịch vụ, chất lượng, giá cả, điều kiện bán hàng và giao hàng như nhau./ *14. Unequal enforcement of Company policies and rules towards Partners with identical competitive conditions, products, services, quality, prices, sales or delivery terms.*

15. Không báo cáo một cách trung thực cho Ban Giám đốc Công ty về việc Đối tác không tôn trọng các cam kết chung và riêng trong các chính sách mua bán hàng hóa, dịch vụ đã được Công ty phê duyệt./ *15. Failing to truthfully report to the Company's Board of Directors when a Partner does not respect general or specific commitments under approved Company sales or service policies.*

16. Sử dụng tài sản của Công ty, Đối tác vì vụ lợi như lấy tài sản của Công ty để cho mượn, cho thuê, hoặc làm một việc nào khác có lợi cho CBNV, Đối tác hoặc bên thứ 3 vì vụ lợi./ *16. Using Company or Partner assets for self-interest, for example, lending/letting out company assets or otherwise benefitting oneself, a Partner, or third party.*

17. Sử dụng trái phép thông tin, tài liệu của Công ty, Đối tác hoặc bên thứ 3 vì vụ lợi./ *17. Unauthorized use of Company, Partner, or third-party information or documents for self-interested purposes.*

18. Không báo cáo ngay trong ngày cho Ban Giám đốc Công ty hoặc ĐVPT TTTT của Công ty qua các kênh được quy định ở Điều 9 Quy chế này biết khi nhận được thông tin của Đối tác về mọi hành vi đưa hối lộ, âm mưu đưa hối lộ, đề nghị hối lộ hoặc đe dọa, gây sức ép hay tìm cách gây ảnh hưởng của Đối tác nhằm có được ưu ái hoặc đạt được giao dịch trong việc mua bán hàng hóa, thực hiện dịch vụ không đúng các điều khoản đã ký kết giữa Công ty./ *18. Failing to report immediately in the day to the Company's Board of Directors or the Compliance Inspection Unit via the designated channels in Article 9 of these Regulations if informed by a Partner of any act, conspiracy, proposal, or threat of bribery, intimidation, or attempts at undue influence from a Partner to seek preferential treatment or business not in accordance with the contractual terms.*

19. Tham gia vào các sự kiện bao gồm nhưng không giới hạn ở các buổi triển lãm, trình diễn hàng may mặc, phòng trưng bày sản phẩm mới, hội nghị hoặc các sự kiện khác của Đối tác mà chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty nhằm mục đích vụ lợi./ *19. Participating in events (including but not limited to exhibitions, fashion shows, product launches, conferences, or other Partner events) without written approval from the Company, for self-interested purposes.*

Điều 5. Trách nhiệm, nghĩa vụ của Công ty/

Article 5. Company's obligations and responsibilities

1. Công ty có trách nhiệm thông báo một cách minh bạch tất cả các chính sách mua hàng, bán hàng, sản phẩm, trang thiết bị, dịch vụ, giá cả, quy cách, chất lượng, … với các Đối tác có chung chính sách mua bán hoặc với từng Đối tác có chính sách mua bán riêng./ *1. The Company is responsible for transparently disclosing all sales, products, equipment,*

CHƯƠNG III. PHÁT HIỆN VÀ PHẢN ÁNH HÀNH VI GIAN LẬN, THAM NHŨNG/ *CHAPTER III. DETECTION AND REPORTING OF FRAUD AND CORRUPTION*

Điều 7. Chính sách của Công ty trong công tác phòng chống gian lận, tham nhũng/

Article 7. Company policy on anti-fraud and anti-corruption

1. Toàn thể CBNV của Công ty có quyền và nghĩa vụ phản ánh, báo cáo hành vi, dấu hiệu gian lận, tham nhũng của CBNV khác trong Công ty, của Đối tác và CBNV của Đối tác./ *1. All Company employees have the right and obligation to report acts/signs of fraud or corruption by other employees, Partners, or their employees.*

2. Công ty thiết lập **Ban Tiếp Nhận Và Xác Minh** phụ trách các công việc về nhiệm vụ phòng chống, điều tra, phát hiện và xử lý các trường hợp gian lận, tham nhũng. Quy trình xử lý thực hiện theo **Quy trình Tiếp nhận & Xác minh thông tin tố giác hành vi vi phạm** hiện hành./ *2. The Company sets up **the Receiving and Verification Committee** responsible for anti-fraud and anti-corruption tasks, investigation, detection, and handling of fraud and corruption. Processing follows the current Procedure for Receiving and Verifying Information denouncing violations.*

3. Công ty chú trọng vào công tác phòng chống gian lận, tham nhũng và thiết lập cơ chế chặt chẽ để ngăn ngừa và phát hiện các hành vi gian lận, tham nhũng và thường xuyên cập nhật, tuyên truyền đến toàn thể CBNV và Đối tác./ *3. The Company focuses on fraud and corruption prevention, sets up strict mechanisms to prevent and detect such activities, and regularly updates and educates all employees and Partners.*

4. Người lợi dụng việc báo cáo, phản ánh để vu khống, bôi nhọ, làm mất uy tín của cá nhân, đơn vị khác sẽ bị xử lý theo quy định của Công ty và pháp luật./ *4. Making false or defamatory reports to harm the reputation of individuals or departments will be handled as per Company and legal provisions.*

Điều 8. Công tác phát hiện hành vi gian lận, tham nhũng/

Article 8. Detection of fraud and corruption acts

1. Ban Giám đốc CT thường xuyên nhắc nhở, đôn đốc các Cán bộ quản lý và CBNV trong việc kiểm tra, phát hiện, theo dõi, điều tra các hành vi và các dấu hiệu gian lận, tham nhũng của CBNV trong Công ty và Đối tác./ *1. The Board of Directors regularly reminds, urges managers and employees to check, detect, monitor, and investigate acts or signs of fraud or corruption in the Company and with Partners.*

2. Cán bộ quản lý, CBNV của Công ty có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, phát hiện, theo dõi các dấu hiệu gian lận, tham nhũng của nhân viên trong Đơn vị mình và các nhân viên, cán bộ tại các Đơn vị khác trong Công ty./ *2. Managers and employees are responsible for regularly checking and detecting signs of fraud and corruption among staff in their own units and others within the Company.*

CHƯƠNG IV. XỬ LÝ HÀNH VI VI PHẠM GIAN LẬN, THAM NHŨNG/ *CHAPTER IV. HANDLING ACTS OF FRAUD AND CORRUPTION*

Điều 10. Nguyên tắc xử lý gian lận, tham nhũng/

Article 10. Principles for handling fraud and corruption

1. Mọi hành vi gian lận, tham nhũng đều phải được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời, nghiêm minh./ *1. All acts of fraud or corruption must be detected, prevented, and handled in a timely and strict manner.*

2. Việc xử lý hành vi gian lận, tham nhũng được thực hiện theo nguyên tắc không bao che hay khoan nhượng đối với tất cả CBNV Công ty./ *2. Handling of fraud and corruption must be done with no tolerance or concealment for any employee.*

3. Việc xử lý hành vi gian lận, tham nhũng được phối hợp, tương tác giữa các phòng ban và thực hiện căn cứ theo **Quy trình tiếp nhận và xác minh thông tin tố giác hành vi vi phạm**./ *3. Handling of fraud and corruption must be coordinated across departments and based on the Procedure for Receiving and Verifying Information on violations report.*

Điều 11. Nguyên tắc xử lý đối với hành vi gian lận, tham nhũng có dấu hiệu phạm tội/

Article 11. Handling acts showing signs of criminal offences

1. Nếu CBNV công ty có hành vi gian lận hoặc tham nhũng có dấu hiệu cấu thành tội phạm, công ty có trách nhiệm báo cáo vụ việc cho cơ quan công an có thẩm quyền để điều tra, truy tố và xét xử theo quy định pháp luật hiện hành./ *1. If Company employees commit acts of fraud or corruption with signs constituting a crime, the Company must report to competent authorities for investigation, prosecution, and trial as per current law.*

2. Mọi CBNV, không phân biệt chức vụ, quốc tịch (người Việt Nam hay người nước ngoài), nếu vi phạm quy định về gian lận, tham nhũng theo Điều 4 của Quy chế này, đều bị xử lý kỷ luật theo mức độ phù hợp với quy định tại Nội quy lao động và quy định pháp luật về hình sự và lao động hiện hành./ *2. Any employee, regardless of position or nationality (Vietnamese or foreign), violating the anti-fraud and anti-corruption provisions in Article 4 is subject to appropriate disciplinary action pursuant to labour and criminal law and Company regulations.*

Điều 12. Nguyên tắc xử lý và thu hồi tài sản gian lận, tham nhũng/

Article 12. Principles of recovery of fraudulent/corrupt assets

1. Công ty có quyền áp dụng mọi biện pháp cần thiết để thu hồi, tịch thu tài sản gian lận, tham nhũng đối với CBNV Công ty còn đang làm việc/đã nghỉ hưu/thôi việc/đã chuyển làm công việc khác./ *1. The Company has the right to take any necessary measures to recover or seize fraudulently/corruptly acquired assets from Company employees, including those who have resigned, retired, or transferred.*

CHƯƠNG V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN/
CHAPTER V. IMPLEMENTATION ORGANISATION

Điều 13. Tổ chức thực hiện/

Article 13. Organisation of implementation

1. Người đứng đầu các Phòng, Ban chuyên môn/chức năng, Văn phòng, Trung tâm, Đơn vị thành viên của Công ty có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, đôn đốc công tác phòng chống gian lận, tham nhũng và tích cực phối hợp với ĐVPT TTTT để triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách, quy định của Công ty./ *1. The heads of all departments, divisions, offices, centres, and member units are responsible for regularly checking, urging fraud and corruption prevention, and actively cooperating with the Compliance Inspection Unit to disseminate and communicate Company regulations and policies.*
2. Toàn thể CBNV của Công ty cần phải tổ chức thực hiện tuân thủ theo Quy chế này./ *2. All employees of the Company are required to comply with this Regulation.*
3. ĐVPT TTTT thực hiện báo cáo hàng Quý cho UBQTRR về các trường hợp gian lận, tham nhũng đã phát hiện, đã xử lý trong Quý (nếu có)./ *3. The Compliance Inspection Unit submits quarterly reports to the Risk Management Committee on detected and handled cases of fraud or corruption (if any).*
4. Hàng năm các hoạt động truyền thông/đào tạo định kỳ về phòng chống gian lận, tham nhũng cho toàn bộ CBNV sẽ được tổ chức tần suất 1 lần/năm./ *4. Annually, periodic communication/training on fraud and corruption prevention for all employees will be organised once a year.*